

# THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

## Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 23/8/2022

## chị P và anh TR

## NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tưởng Công Sơn

Ông Phan Minh Thanh

- *Thư ký phiên tòa:*

áp, Thành phố Hồ Chí Minh.

*tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Hải Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp,

Yên đơn : Chị P, sinh năm 1982;

Chủ đầu tư thường trú : Số 29, khu phố NP, phường NT, Thành phố TN, tỉnh TN

ni tạm trú : Số 18 đường số 3, phường M, quận G, Thành phố M ( Có mặt

on: Anh TR, sinh năm 1963;

ng trú : Số 10 Nguyễn Du, phường BT, quận 1. Thành phố M

ru : Số 18 đường số 3, phường M, quận G, Thành phố M ( Có mặt ).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 11 năm 2021( đến Tòa án ngày

Tôi và anh Tư nguyện đến với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân phường BT, Quận 01, Thành phố M vào ngày 12/11/2012. Hạnh phúc gia

đình kéo dài đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính

tình không hòa hợp, hạnh phúc không đạt như mong muốn, vợ chồng không có

tiếng nói chung trong gia đình. Tôi và anh TR đã sông ly thân từ năm 2021

cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh TR để sớm ổn định cuộc sống.

-Về con chung: Chị Ph và anh TR có 02 con chung tên T, sinh ngày 02/02/2013 và D, sinh ngày 06/02/2017. Chị P yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung và yêu cầu anh TR cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 ( Mười triệu đồng). bắt đầu thực hiện từ tháng 3/2022 cho đến khi 02 trẻ tròn 18 tuổi.

-Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Chị P tự khai không có

- Tại biên bản hòa giải ngày 12/4/2022, anh TR và chị P thống nhất giao 02 con chung cho anh TR trực tiếp nuôi dưỡng và anh TR không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

-Ngày 12/4/2022, chị P đã có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu anh TR cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 ( Mười triệu đồng ) vì lý do chị P đã đồng ý giao 02 con cho anh TR trực tiếp nuôi dưỡng.

*-Bị đơn anh TR trình bày tại bản tự khai ngày 15/3/2022:*

Tôi và chị P tự nguyện đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường BT, Quận 01, Thành phố M vào ngày 12/11/2012. Hạnh phúc gia đình không mâu thuẫn vì vậy nên nay chị P yêu cầu ly hôn thì tôi không đồng ý.

-Về con chung: Anh TR và chị P có 02 con chung tên T, sinh ngày 02/02/2013 và D, sinh ngày 06/02/2017. Anh TR không đồng ý để chị P trực tiếp nuôi 02 con chung

-Về tài sản chung : Chúng tôi tự thỏa thuận và nếu không được sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh TR tự khai không có

Tại biên bản hòa giải ngày 12/4/2022, anh TR và chị P đồng ý và thống nhất giao 02 con chung cho anh TR trực tiếp nuôi dưỡng và anh TR không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

*-Bé T trình bày tại bản tự khai ngày 26/4/2022:*

- Nếu ba mẹ ly hôn thì con ở với mẹ P.

Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của anh TR tại địa chỉ số 18 đường số 3, phường M, quận G, Thành phố M và Công an phường M, quận G trả lời xác minh: “ Ông TR không có hộ khẩu tại 18 đường số 3, phường M, quận G, Thành phố M . Ông TR hiện đang cư trú tại địa chỉ 18 đường số 3, phường M, quận G, Thành phố M.”

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng giữa nguyên đơn và bị đơn không thống nhất được việc giải quyết việc ly hôn do đó Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo pháp luật quy định.

*\*Tại phiên tòa hôm nay:*

-Chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh TR để chị sớm ổn định cuộc sống.

-Về con chung: Chị P và anh TR có 02 con chung tên T, sinh ngày 02/02/2013 và D, sinh ngày 06/02/2017. Chị P đồng ý để anh TR trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và chị P không cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Chị P tự khai không có

-Anh TR không đồng ý ly hôn với chị P và tại phiên Tòa anh TR có nộp cho Tòa án bản photo biên bản làm việc ngày 22/8/2022.

-Về con chung: Anh TR và chị P có 02 con chung tên T, sinh ngày 02/02/2013 và D, sinh ngày 06/02/2017. Anh TR đồng ý trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung : Chúng tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh TR tự khai không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng .

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

\*Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

-Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị P và anh TR. Giao 02 con cho anh TR trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh TR không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

- Chị P rút yêu cầu cấp dưỡng nên đình chỉ đối với yêu cầu này.

-Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên không xét

Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật .

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị P khởi kiện bị đơn anh TR đang cư ngụ tại số 18 đường số 3, phường M,

quận G, Thành phố M. Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn ” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

\*Về yêu cầu xin ly hôn của chị P , Hội đồng xét xử nhận thấy:

-Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số N /2012 do Ủy ban nhân dân phường BT, Quận 01, Thành phố M cấp cho chị P và anh TR vào ngày 12/11/2012 thì hôn nhân của chị P và anh TR là hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

-Chị P xin ly hôn với anh TR vì chị cho rằng giữa chị và anh TR có mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp. Mặt khác, chị và anh TR đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Do đó chị P có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh TR theo Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ bản tự khai ngày 10/3/2022 và đơn trình bày quá trình chung sống và phát sinh mâu thuẫn ngày 15/3/2022, chị P yêu cầu ly hôn với anh TR vì chị cho rằng giữa chị và anh TR có nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung trong cuộc sống là do bất đồng quan điểm với nhau. Anh TR luôn gia trưởng bắt buộc chị phải làm theo ý muốn của anh TR. Anh TR không chăm lo cho gia đình vợ con đi làm từ sáng đến tối mới về không biết vợ con có ốm đau hay không . Mặc dù chị đã cố gắng chung sống mong anh TR thay đổi nhưng cuộc sống càng mâu thuẫn trầm trọng hơn. Chị đã 04 lần nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp vào các năm 2017 đến năm 2021 nhưng sau đó chị rút đơn để cho anh TR một cơ hội nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn cứ tiếp diễn ngột ngạt và sống không có hạnh phúc. Chị cũng đã gửi đơn đến Hội Phụ nữ Phường M và Chi hội phụ nữ tổ 1, khu phố 7, phường M, quận G ngày 18/01/2022 và ngày 18/4/2022 để yêu cầu Hội phụ nữ can thiệp nhưng không có kết quả. Bản thân chị luôn sống trong lo sợ vì đã bị anh TR đánh chị bị gãy răng, toét môi vào năm 2021. Mặt khác chị và anh TR đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay điều đó chứng tỏ giữa chị P và anh TR đã có mâu thuẫn vợ chồng.

-Căn cứ vào quyết định cung cấp chứng cứ số 210/QĐ- CCTLCC ngày 29/3/2022 của Tòa án và trả lời kết quả phiếu xác minh ngày 12/4/2022, được biết : “ Tại thời điểm xác minh bà P không còn sinh sống tại địa chỉ 18 đường số 3, phường M, quận G, Thành phố M. Nguyên nhân và thời điểm phát sinh mâu thuẫn gia đình giữa bà P và ông TR, Hội phụ nữ không nắm rõ do gia đình không thông báo với Hội và chính quyền địa phương”. Ngày 13/6/2022, Tòa án nhận được Phiếu xác minh của Hội liên hiệp phụ nữ Phường M, quận G, được biết : “Qua xác minh tìm hiểu thông tin cuộc sống giữa gia đình ông TR và bà P thường xuyên mâu thuẫn, nhưng Hội không nắm rõ được nguyên nhân chính do thời điểm phát sinh mâu thuẫn gia đình không có báo cho Hội và chính quyền địa phương.”.

Ngày 23/8/2022, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp nhận được công văn số 06/CV-HPN ngày 22/8/2022 của Hội Phụ nữ phường M trả lời theo Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 210/QĐ- CCTLCC ngày 29/3/2022 của Tòa án về

việc xác minh mâu thuẫn của chị P và anh TR. Ngày 22/8/2022, Hội phụ nữ Phường M có mời anh TR đến để làm việc theo đơn phản ánh của anh TR về phiếu xác minh ngày 13/6/2022 là chưa đúng. Tuy nhiên ngay trong ngày 22/8/2022, Hội phụ nữ Phường M cho rằng người ký phiếu xác minh và người xác minh ngày 13/6/2022 đã chuyển công tác khác và Hội phụ nữ Phường M, quận G có thu thập thêm thông tin qua tiếp xúc các hộ dân trong khu dân cư quanh Nhà ông TR được thông tin là không xác định được mâu thuẫn chỉ nghe từ phía bà P có lớn tiếng với con cái...Như vậy chỉ trong 01 ngày 22/6/2022, Hội phụ nữ vừa làm việc với anh TR và nghe phản ánh của anh TR vừa ra Công văn số 06/CV-HPN xác minh về mâu thuẫn của anh TR và chị P như vậy là việc xác minh thiếu tính khách quan do đó Hội đồng xét xử xác định Phiếu xác minh của Hội liên hiệp phụ nữ Phường M, quận G xác minh mâu thuẫn vợ chồng anh TR và chị P ngày 13/6/2022 là phản ánh đúng mâu thuẫn của chị P và anh TR và phù hợp với các tài liệu cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

-Căn cứ theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

Chị P và anh TR hiện nay tuy còn sống chung với nhau nhưng đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Anh TR còn cung cấp cho Tòa án 09 tấm hình chụp lại chị P và theo anh TR là bỏ chị P là những chứng cứ mà anh TR cho rằng chị P ngoại tình mặc dù anh TR không trực tiếp bắt quả tang. Mặt khác, chị P đã 04 lần nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp nhưng sau đó đã rút đơn và cho anh TR nhiều cơ hội nhưng anh TR không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình mặc dù anh TR không đồng ý ly hôn với chị P. Xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình yêu thương giữa hai vợ chồng, cùng vun đắp và chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc, thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã lâu nhưng cả hai không có hướng khắc phục để giải tỏa mâu thuẫn, dẫn đến ngày càng gay gắt hơn. Cả hai không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh TR trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đã hàn gắn nhưng không thành.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị P và anh TR trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa chị P và anh TR không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì “Tòa án giải quyết cho ly hôn ...nếu có căn cứ về việc vợ chồng vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ chồng ...mục đích hôn nhân không đạt được...” do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P ly hôn với anh TR.

\*Xét yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của chị P đối với 02 con chung tên T, sinh ngày 02/02/2013 và D, sinh ngày 06/02/2017. Chị P yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung và yêu cầu anh TR cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng

10.000.000 (mười triệu đồng). bắt đầu thực hiện từ tháng 3/2022 cho đến khi 02 trẻ tròn 18 tuổi.

- Tại đơn khởi kiện cũng như bản tự khai chị P yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung và yêu cầu anh TR cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 (mười triệu đồng). bắt đầu thực hiện từ tháng 3/2022 cho đến khi 02 trẻ tròn 18 tuổi. Tuy nhiên tại bản khai của T ngày 26/4/2022, trẻ T muốn sống với mẹ nhưng tại biên bản hòa giải ngày 12/4/2022, chị P và anh TR thống nhất giao 02 trẻ cho anh TR nuôi dưỡng và anh TR không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu nuôi con của anh TR là hoàn toàn chính đáng, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho trẻ phát triển bình thường. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị P và anh TR giao 02 trẻ tên T, sinh ngày 02/02/2013 và D, sinh ngày 06/02/2017 cho anh TR trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và anh TR không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

\*Về việc chị P rút đơn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con ngày 12/4/2022

-Tại đơn khởi kiện chị P yêu cầu anh TR cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng. Tuy nhiên ngày 12/4/2022, chị P làm đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện này. Xét việc chị P rút một phần yêu cầu này là tự nguyện không trái pháp luật. Do đó, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của chị P yêu cầu anh TR cấp dưỡng nuôi 02 trẻ T và D mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Do anh TR không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị P, cho đến khi anh TR có yêu cầu.

Chị P được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của trẻ, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

\*Về tài sản chung, nợ chung :

- Căn cứ bản tự khai ngày 10/3/2021, Chị P khai tài sản chung chị và anh TR tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết và về nợ chung không có.

-Căn cứ bản tự khai ngày 15/3/2022, anh TR khai tài sản chung anh và chị P tự giải quyết và nếu không giải quyết được sẽ nhờ Tòa án giải quyết và về nợ chung không có ;

-Căn cứ biên bản hòa giải ngày 12/4/2022 và ngày 16/6/2022 anh TR và chị P thống nhất về tài sản chung và nợ chung anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nếu không tự thỏa thuận được anh TR sẽ làm đơn chia tài sản chung sau và tại biên bản ghi nhận ngày 16/6/2022, Tòa án cũng đã yêu cầu anh TR và chị P trong hạn 15 ngày nêu có yêu cầu chia tài sản chung thì phải làm đơn gửi cho Tòa nhưng đến nay anh TR và chị P không có đơn do anh

TR và chị P không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung, nợ chung của anh TR và chị P. Chị P và anh TR có quyền khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn nếu có bằng một vụ án khác theo đúng trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật.

*\*Án phí hôn nhân sơ thẩm:*

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy chị P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí số AA/2021/0047723 ngày 22/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, do đó chị P đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 207; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 212; Điều 220; Điều 246; Điều 271; Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58 và Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án ;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị P và anh TR

(Giấy chứng nhận kết hôn số N /2012 do Ủy ban nhân dân phường BT, Quận 01, Thành phố Mcáp cho chị P và anh TR vào ngày 12 tháng 11 năm 2012 hết hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Chị P và anh TR có 02 con chung tên T, sinh ngày 02/02/2013 và D, sinh ngày 06/02/2017. Giao 02 trẻ T và D cho anh TR trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh TR không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con

Chị P được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này của chị P.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

-Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị P đối với yêu cầu anh TR cấp dưỡng nuôi 02 trẻ mỗi tháng 10.000.000 đồng.

3. Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung : Các bên tự khai không có

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị P phải nộp nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí số AA/2021/0047723 ngày 22/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, do đó chị P đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM ;
- Viện kiểm sát nhân dân quận GV;
- Chi cục THADS quận GV;
- Ủy ban nhân dân phường BT Quận 01 , TPM
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**( đã ký và đóng dấu )**